
MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁO BUỘC THAO TÚNG TIỀN TỆ CỦA HOA KỲ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Phạm Mạnh Hùng

Viện Nghiên cứu khoa học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Email: hungpm@hvn.edu.vn

Nguyễn Văn Tiến

Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng

Email: tiennv@hvn.edu.vn

Ngày nhận: 18/02/2021

Ngày nhận bản sửa: 04/3/2021

Ngày duyệt đăng: 05/3/2021

Tóm tắt:

Ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã xác định Việt Nam là một trong những quốc gia thao túng tiền tệ trong đợt rà soát định kỳ. Tuy nhiên, thực tế những năm vừa qua cho thấy hoạt động điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nằm trong khuôn khổ chính sách tiền tệ nhất quán nhằm thực hiện mục tiêu là kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và không nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại quốc tế không công bằng. Kể từ năm 2016 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện cơ chế điều hành tỷ giá chủ động linh hoạt trên cơ sở đặc điểm kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng như biến động rõ tiền tệ của các đối tác kinh tế lớn. Vì vậy, việc Hoa Kỳ đưa ra quan điểm VND được định giá thấp nhằm tạo ra lợi thế xuất khẩu cho Việt Nam là chưa thực sự có cơ sở thuyết phục trên phương diện tài chính quốc tế và cần được đánh giá thấu đáo hơn.

Từ khóa: Thao túng tiền tệ, chính sách tỷ giá, chính sách thương mại, Việt Nam, Hoa Kỳ.

Mã JEL: F10; F30; F31; F41.

Assessments of currency manipulation allegations by The United States against Vietnam

Abstract:

On December 16, 2020, US Department of the Treasury labeled Vietnam as a currency manipulator during its periodic review. However, the reality over the past few years demonstrates that the exchange rate management activities of the State Bank of Vietnam (SBV) are within a consistent monetary policy framework in order to achieve the goal of inflation control and macroeconomic stabilization, but not to create unfair competitive advantages in international trade. Since 2016, the State Bank has implemented a flexible and proactive exchange rate policy based on the macroeconomic characteristics of Vietnam as well as fluctuations in the currency basket of major trading partners. Therefore, the US opinion that the Vietnamese dong is undervalued to create an export advantage for Vietnam appears not on a convincing basis from the perspective of international finance and needs to be more thoroughly evaluated.

Keywords: Currency manipulation, exchange rate policy, Vietnam, United States.

JEL codes: F10; F30; F31; F41.

1. Bối cảnh gắn mác thao túng tiền tệ cho Việt Nam

Khái niệm “quốc gia thao túng tiền tệ” được Hoa Kỳ lần đầu thể chế hóa thành một nội dung trong Luật Cạnh tranh và Thương mại quốc tế Omnibus (*Omnibus Foreign Trade and Competitiveness Act*) vào năm 1988. Năm 2015, dưới thời Tổng thống Obama, Luật Xúc tiến và Tăng cường Thương mại (*Trade Facilitation and Trade Enforcement Act*) được ban hành, bao gồm những yêu cầu về bảo hộ mậu dịch và chính sách thương mại với mục tiêu tổng quát là đảm bảo môi trường thương mại bình đẳng và cạnh tranh tại Hoa Kỳ. Đây là 2 Đạo luật xác định vai trò của Bộ Tài chính Hoa Kỳ đối với việc giám sát vấn đề thao túng tiền tệ của các đối tác thương mại. Theo đó, Bộ Tài chính cần giám sát chính sách tiền tệ của các đối

tác thương mại với Hoa Kỳ nhằm xem xét “*liệu các quốc gia có thao túng tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền của họ và đồng đô la Mỹ nhằm mục đích ngăn cản điều chỉnh cán cân thanh toán phù hợp hoặc nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế hay không?*”

Theo quy định của Đạo luật Xúc tiến và Tăng cường Thương mại, Bộ Tài chính Hoa Kỳ thực hiện báo cáo định kỳ về chính sách tỷ giá và kinh tế đối ngoại của các đối tác thương mại lớn. Báo cáo này đánh giá dựa trên ba tiêu chí, bao gồm:

- (i) Thặng dư thương mại hàng hóa song phương với Hoa Kỳ ít nhất 20 tỷ USD;
- (ii) Thặng dư cán cân vãng lai tương đương ít nhất 2% GDP;
- (iii) Can thiệp một chiều và kéo dài trên thị trường ngoại tệ, thể hiện qua việc mua ròng ngoại tệ trong ít nhất 6 tháng trong khoảng thời gian 12 tháng với tổng lượng ngoại tệ mua ròng trong 12 tháng tương đương ít nhất 2% GDP.

Khi một quốc gia thỏa mãn hai trong ba tiêu chí sẽ được đưa vào danh sách theo dõi, thỏa mãn cả ba tiêu

Bảng 1: Thống kê về các quốc gia bị cáo buộc “Thao túng tiền tệ”

Các quốc gia bị cáo buộc “Thao túng tiền tệ”	- Hàn Quốc (1988); - Đài Loan (1988, 1992); - Trung Quốc (1992, 1993, 1994, 2019); - Ấn Độ (2017)
Các tác động có thể ảnh hưởng tới quốc gia bị cáo buộc	- Áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế - Tăng cường đánh thuế lên hàng hóa xuất khẩu - Hạn chế tiếp cận nguồn vốn, các quỹ - Tạo sức ép trong các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ
Phản ứng của các quốc gia bị cáo buộc	Phản ứng của các quốc gia trước cáo buộc thường rơi vào hai trường hợp: (i) Cố gắng tháo gỡ cáo buộc với các nỗ lực tập trung vào: - Xác định nguyên nhân thực sự của cáo buộc; - Đàm phán với Chính phủ Hoa Kỳ để giải quyết nguyên nhân này; - Đưa ra các cam kết về tỷ giá; - Tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong điều hành chính sách tỷ giá; (ii) Tiếp tục duy trì chính sách hiện có bất chấp cáo buộc

chí thì được đưa vào danh sách “*thao túng tiền tệ*”. Cho đến thời điểm hiện nay, Hoa Kỳ đã dựa trên báo cáo đơn phương của mình gắn mác “*thao túng tiền tệ*” cho Hàn Quốc vào năm 1988, Đài Loan lần thứ nhất cũng vào năm 1988 và lần tiếp theo vào năm 1992, Trung Quốc trong 3 năm liên tiếp từ năm 1992 đến 1994, Ấn Độ năm 2017. Đặc biệt là tháng 8 năm 2019, Trung Quốc bị gắn mác “*thao túng tiền tệ*” nhưng không xuất phát từ bất kỳ báo cáo nào. Khi kỳ báo cáo tháng 1 năm 2020 được công bố, Trung Quốc không vi phạm đủ ba tiêu chí kể trên và vì vậy mác “*thao túng tiền tệ*” cũng được gỡ bỏ.

Trong báo cáo của Bộ Tài chính Hoa Kỳ được công bố vào ngày 16/12/2020 với tiêu đề “*Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ*” (U.S. Department of the Treasury, 2021), Hoa Kỳ đã đưa ra quan điểm Việt Nam và Thụy Sĩ là những quốc gia “*thao túng tiền tệ*”.

Đối với trường hợp Việt Nam, nhận định này của Bộ Tài chính Hoa Kỳ được xuất phát từ:

- (i) Thặng dư thương mại hàng hóa của Việt Nam với Hoa Kỳ đạt 58 tỷ đô la trong 4 quý tính tới tháng 6 năm 2020;
- (ii) Thặng dư tài khoản vãng lai trong kỳ tăng lên mức 4,6% GDP, so với 1,7% trong giai đoạn trước; và
- (iii) Mua ròng ngoại hối trong 4 quý tính đến tháng 6 năm 2020 là 16,8 tỷ đô la, tương đương 5,1% GDP, so với 0,8% GDP trong giai đoạn trước đó.

2. Một số đánh giá về cáo buộc thao túng tiền tệ đối với Việt Nam

2.1. Tiêu chí liên quan đến can thiệp ngoại tệ

Trước hết, có thể khẳng định việc can thiệp trên thị trường ngoại tệ trong thời gian qua của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) không nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại quốc tế không công bằng. Theo đó, điều

Bảng 2: Các tiêu chí thao túng tiền tệ đối với trường hợp Việt Nam

Tiêu chí	Ngưỡng vi phạm theo Đạo luật 2015	Dữ liệu của Việt Nam trong 4 quý tính đến tháng 6 năm 2020	Dữ liệu của Việt Nam trong kỳ đánh giá trước
Thặng dư thương mại lớn với Hoa Kỳ	≥ 20 tỷ USD	58 tỷ USD	47 tỷ USD
Thặng dư cán cân vãng lai	$\geq 2\%$ GDP	4,6% GDP	1,7%
Can thiệp một chiều và kéo dài trên thị trường ngoại tệ	$\geq 2\%$ GDP	5,1% GDP	0,8%

Nguồn: Báo cáo Bộ Tài chính Hoa Kỳ.

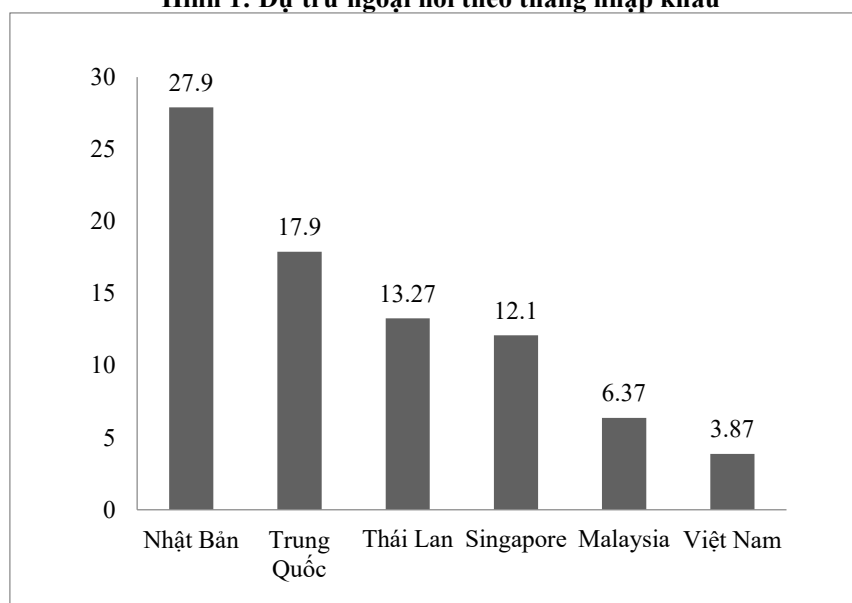
hành tỷ giá thời gian qua nằm trong khuôn khổ chính sách tiền tệ chung với mục tiêu nhất quán là ổn định kinh tế vĩ mô. Các biện pháp can thiệp trên thị trường ngoại tệ là hoàn toàn bình thường và phù hợp với thông lệ quốc tế dựa trên các cơ sở:

Thứ nhất, việc Ngân hàng Nhà nước mua ròng ngoại tệ là nhu cầu thực tế trong bối cảnh lượng kiều hối, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đều đặn đổ vào Việt Nam với số lượng khá lớn (gần 40 tỷ USD mỗi năm). Hiện nay, pháp luật Việt Nam quy định trên lãnh thổ Việt Nam chỉ được dùng đồng Việt Nam, nghiêm cấm việc sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, và cấm các hoạt động tín dụng bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, nhà đầu tư khi chuyển ngoại tệ vào Việt Nam kinh doanh thì phải chuyển đổi sang tiền đồng để giải ngân. Ngoài ra, nhằm chống hiện tượng đô la hóa nền kinh tế, từ cuối năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 2589/QĐ-NHNN (Ngân hàng Nhà nước, 2015) về mức lãi suất tối

Bảng 3: Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

Năm	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (triệu đô la Mỹ)	Tổng số vốn thực hiện (Triệu đô la Mỹ)
2015	2120	24115	14.500
2016	2613	26890	15.800
2017	2741	37100	17.500
2018	3147	36368	19.100
2019	4028	38951	20.380
2020	2528	28500	20.000

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

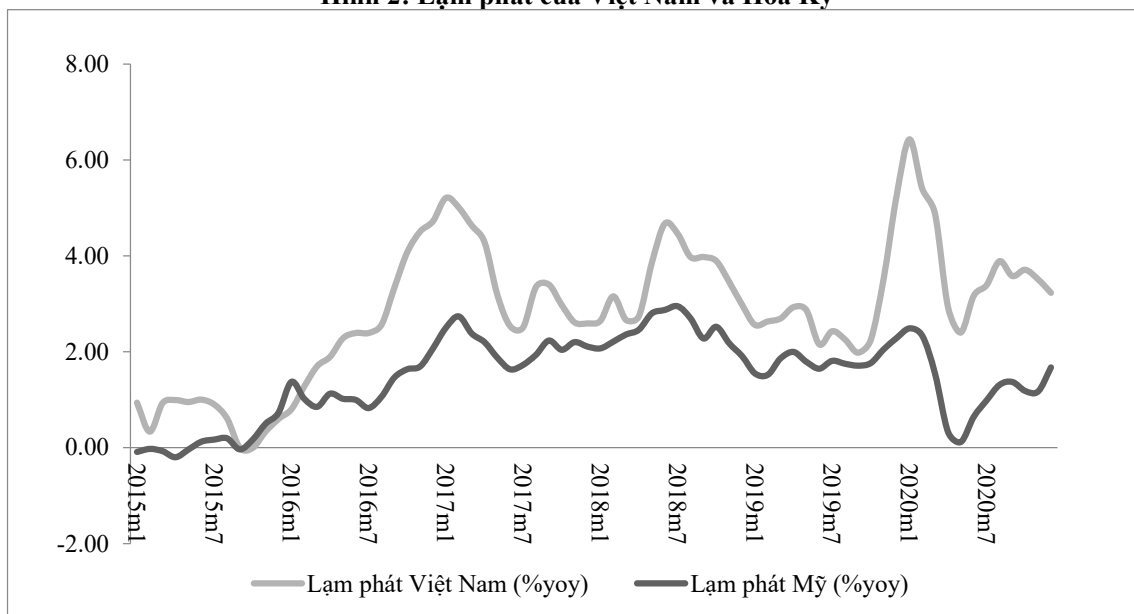
Hình 1: Dự trữ ngoại hối theo tháng nhập khẩu

Nguồn: Ngân hàng Thế giới.

đa đối với tiền gửi bằng USD của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 0%. Khi so sánh với lãi suất tiền gửi bằng VND, thì việc gửi tiền bằng USD là kém hấp dẫn hơn hẳn. Do đó, ngoại tệ thu từ hoạt động xuất khẩu cũng như kiều hối khi chuyển về Việt Nam cũng được chuyển đổi sang VND để sử dụng. Từ những lý do kể trên, nhu cầu găm giữ ngoại tệ nói chung và đồng USD nói riêng là gần như bị triệt tiêu, vì vậy nguồn cung USD trên thị trường là rất dồi dào. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện mua vào ngoại tệ để đáp ứng quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân cũng như nhu cầu của thị trường.

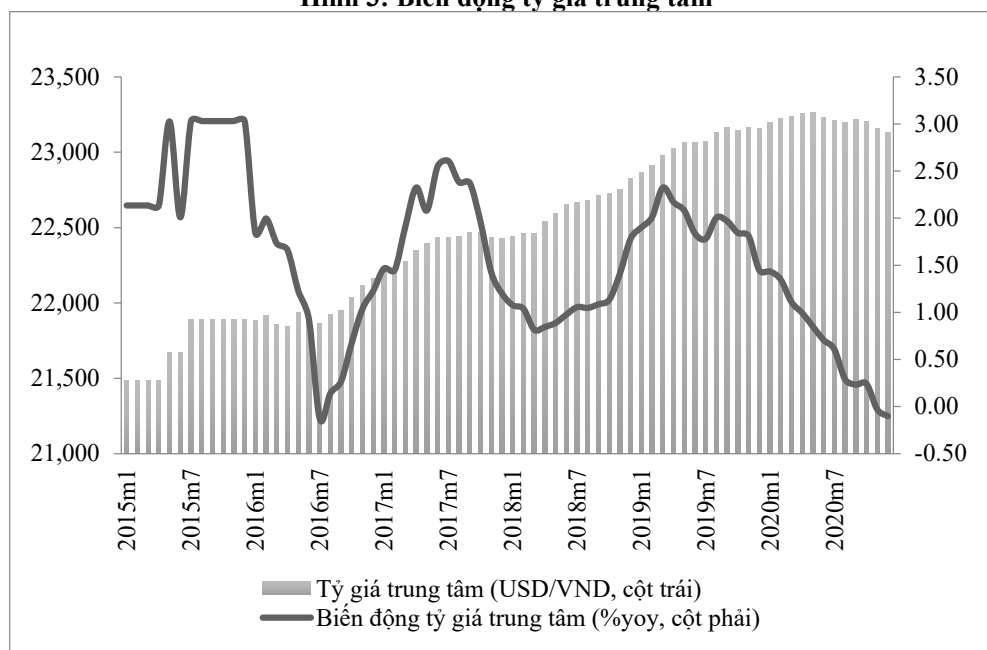
Thứ hai, dự trữ ngoại hối của Việt Nam hiện nay ở mức 3,9 tháng nhập khẩu, thấp hơn mức bình quân của các nước có cùng trình độ phát triển với Việt Nam (nhóm nước có thu nhập trung bình thấp) là 7 tháng nhập khẩu. Theo Báo cáo đánh giá về quy mô dự trữ ngoại hối cần thiết, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra

Hình 2: Lạm phát của Việt Nam và Hoa Kỳ



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ.

Hình 3: Biến động tỷ giá trung tâm



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

khuyến nghị về quy mô dự trữ ngoại hối tương đương 3 tháng nhập khẩu của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, với các quốc gia có độ mở cửa kinh tế cao như Việt Nam, IMF khuyến nghị dự trữ ngoại hối nên ở mức 4 - 4,5 tháng nhập khẩu. Do đó, việc gia tăng dự trữ ngoại hối trong thời gian qua là công việc cần thiết của Ngân hàng Nhà nước nhằm củng cố an ninh tài chính cho Việt Nam.

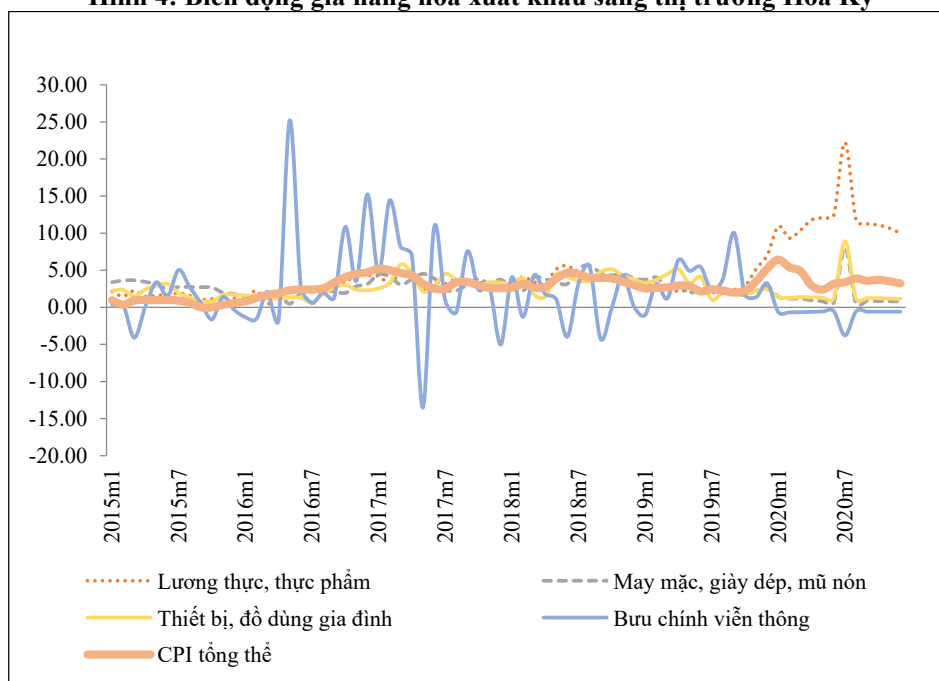
Thứ ba, theo lý thuyết ngang giá sức mua (PPP), ta có biến động tỷ giá được đo bằng công thức:

$$\Delta e = \frac{\pi - \pi^*}{1 + \pi^*} \quad (1)$$

Trong đó, Δe là tỷ lệ (%) biến động tỷ giá, π là tỷ lệ lạm phát trong nước (nội tệ VND) và π^* là tỷ lệ lạm phát nước ngoài (ngoại tệ USD). Với điều kiện π^* là số nhỏ so với 1, thì $(1 + \pi^*) \approx 1$, nên công thức (1) được viết dưới dạng gần đúng là:

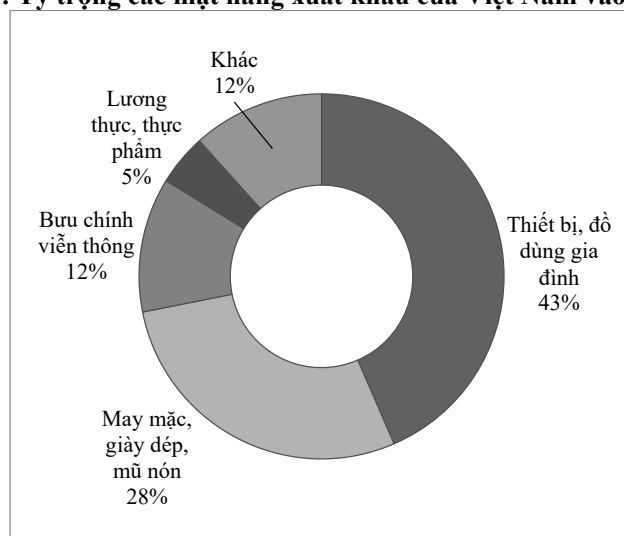
$$\Delta e = \pi - \pi^* \quad (2)$$

Hình 4: Biến động giá hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cục thống kê Hoa Kỳ.

Hình 5: Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Như vậy, biến động tỷ giá hối đoái phản ánh mức chênh lệch về lạm phát giữa các nước có quan hệ thương mại với nhau. Trong những năm gần đây, lạm phát của Việt Nam bình quân khoảng 4,5-6,0%/năm trong khi lạm phát của Hoa Kỳ bình quân khoảng 1,5%-2%/năm. Để VND và USD là ngang giá sức mua, thì tỷ giá USD/VND cần phải tăng khoảng 3%-4%/năm. Tuy nhiên, trên thực tế, tỷ giá USD/VND chỉ tăng bình quân khoảng 2%/năm, do đó, VND hiện đang được định giá cao so với USD.

Cũng dựa trên lý thuyết PPP, kiểm chứng sự thay đổi của tỷ giá sẽ đáng tin cậy hơn nhiều khi dựa trên giá hàng hóa có thể tham gia thương mại quốc tế (International tradeables goods- ITG) so với kiểm chứng sự thay đổi dựa trên cơ sở chỉ số giá cả chung cho cả hai nhóm hàng hóa. ITG bao gồm những hàng hóa xuất nhập khẩu (XNK) và những hàng hóa sản xuất trong nước nhưng có đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu. Ở đây các hàng hóa ITG của Việt Nam được xác định là các hàng hóa được xuất khẩu chủ yếu sang Mỹ bao gồm: thiết bị đồ dùng gia đình; sản phẩm may mặc; lương thực, thực phẩm; thiết bị viễn thông. Lạm phát của nhóm hàng này xét theo tỷ trọng trong giai đoạn 2015-2020 là 16%. Còn lạm phát rô hàng hóa của Hoa Kỳ hiện nay so với năm 2015 vào khoảng 9%. Trong giai đoạn 2015-2020, tỷ giá USD/VND cũng thay đổi tương ứng khoảng hơn 7%, tức nhóm hàng hóa ITG của Việt Nam và của Mỹ là ngang giá sức mua với nhau. Hay nói cách khác, VND không hề được định giá thấp ngay cả đối với nhóm hàng hóa ITG nhằm tạo lợi thế thương mại với hàng hóa của Mỹ.

Trong dài hạn, chênh lệch lạm phát giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong nhiều năm là rất lớn. Cụ thể, theo chỉ số điều chỉnh GDP (GDP deflator) tính theo công thức:

$$D_{GDP}^t = \frac{GDP_n^t}{GDP_r^t} \times 100$$

Với D_{GDP} là chỉ số điều chỉnh GDP; GDP_n là GDP danh nghĩa; GDP_r là GDP thực, thì trong giai đoạn 2010-2020, chỉ số điều chỉnh GDP của Việt Nam đã tăng 61%, trong khi Hoa Kỳ chỉ tăng 17%. Điều này cho thấy chênh lệch lạm phát hai nước đã lên đến 44%, như vậy nếu tỷ giá phản ánh sức mua tương đối của đồng tiền của hai nước thì VND phải giảm giá tương đương 44% so với USD trong cùng giai đoạn. Trên thực tế, VND chỉ giảm giá 21% về mặt danh nghĩa so với USD. Điều này có nghĩa là, thực chất VND đã lên giá thực với USD.

2.2. Tiêu chí thặng dư thương mại và tài khoản vãng lai

Đối với tiêu chí thặng dư thương mại, trong 10 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu ròng hàng hóa từ Việt Nam của Hoa Kỳ là 56,62 tỷ USD, gấp 4,3 lần so với cùng kỳ năm 2011. Đặc biệt là trong năm 2019, thâm hụt của Mỹ tăng vọt từ 39,48 tỷ USD lên 55,76 tỷ USD. Thặng dư thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu đến từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, thặng dư thương mại tăng nhanh do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc. Căng thẳng thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc là một trong các nguyên nhân chính tạo ra sự dịch chuyển các nhà máy sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Đồng thời, Trung Quốc chủ động dịch chuyển lên nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy các lĩnh vực giá trị gia tăng thấp sang các nước trong khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Việc Hoa Kỳ áp thuế với nhiều nhóm hàng hóa của Trung Quốc

Bảng 4: Thâm hụt thương mại hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ và quy mô kiều hối

	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Thâm hụt thương mại hàng hóa Hoa Kỳ - Việt Nam (tỷ USD)	31	32	38	39	56	57
Kiều hối gửi về Việt Nam (tỷ USD)	13	14	15	16	17	15,6

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Cục thống kê Hoa Kỳ.

cũng đã tạo ra hiện tượng giả mạo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, giá trị xuất khẩu tính cho Việt Nam nhưng thực chất là hàng Trung Quốc.

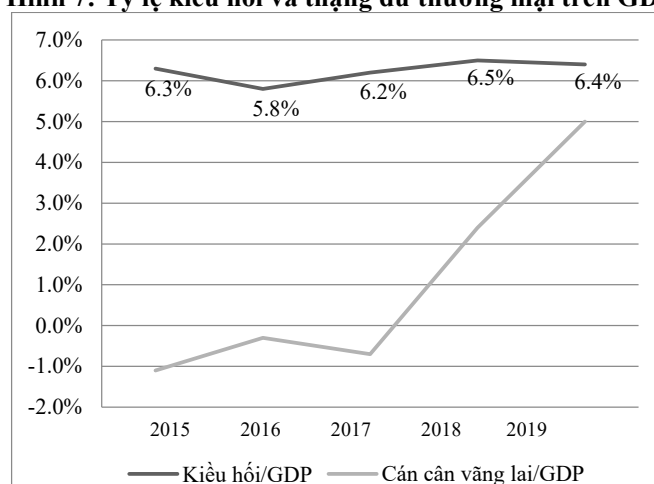
Thứ hai, thặng dư thương mại xuất phát từ cơ cấu nền kinh tế. Người tiêu dùng Việt Nam ưa thích nhiều sản phẩm của Hoa Kỳ, tuy nhiên, các sản phẩm này đang được các doanh nghiệp Hoa Kỳ sản xuất ở nhiều nơi trên thế giới chứ không phải tại Hoa Kỳ. Thay vì nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Việt Nam nhập từ nước mà doanh nghiệp Hoa Kỳ đã đầu tư. Do đó, thực chất Việt Nam nhập khẩu hàng của Hoa Kỳ nhưng đã không phản ánh trong thống kê thương mại hai chiều Việt Nam và Hoa Kỳ. Ngoài ra, người lao động Việt Nam

Hình 6: Thâm hụt thương mại hàng hóa Hoa Kỳ - Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Cục thống kê Hoa kỳ.

Hình 7: Tỷ lệ kiều hối và thặng dư thương mại trên GDP



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Tổng cục Thống kê.

chấp nhận mức lương thấp để sản xuất sản phẩm rồi bán giá tốt cho người tiêu dùng Hoa Kỳ, trong khi người Hoa Kỳ rất khó chấp nhận mức lương thấp để sản xuất ra những mặt hàng như Việt Nam đang sản xuất. Điều này tạo ra những lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam trên thị trường Hoa Kỳ.

Thứ ba, sự tăng vọt thặng dư thương mại với Hoa Kỳ trong năm 2020 một phần nguyên nhân do Việt Nam là một trong số ít các quốc gia không chế dịch COVID-19 thành công trên thế giới. Các hoạt động sản xuất của Việt Nam diễn ra gần như bình thường trong suốt cả năm. Hơn nữa, Việt Nam vẫn duy trì hoạt động xuất khẩu phục vụ các thị trường quốc tế trong đó có Hoa Kỳ, trong khi nhiều quốc gia là đối tác lớn của Hoa Kỳ gặp rất nhiều khó khăn trong duy trì sản xuất.

Bảng 5: Cán cân vãng lai của Việt Nam và các cấu phần (triệu USD)

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng giá trị hàng hóa XNK (ròng)	11,944	10,846	16,539	21,221	19,950
Tổng giá trị dịch vụ XNK (ròng)	(4,403)	(4,030)	(3,810)	(1,191)	(12,038)
Thu nhập đầu tư (ròng)	(12,566)	(16,993)	(15,818)	(16,795)	(11,632)
Chuyển giao vãng lai (ròng)	7,985	8,528	8,858	9,243	6,666
Cán cân vãng lai	2,960	(1,649)	5,769	12,478	11,026

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với tiêu chí thặng dư cán cân vãng lai trong kỳ đạt 4,6% GDP thì yếu tố này có sự đóng góp rất lớn từ lượng kiều hối gửi về Việt Nam. Theo World Bank, lượng kiều hối gửi về Việt Nam năm 2019 đạt khoảng 17 tỷ USD, chiếm tới 6,4% GDP. Kiều hối gửi về Việt Nam với mục đích chính là trợ giúp gia đình, người thân và có xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm do đó ít chịu tác động bởi những biến động của tỷ giá. Trong nhiều năm vừa qua, Việt Nam hạ mức lãi suất gửi tiền USD của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp bằng 0%, nên tỷ giá không phải là yếu tố làm cán cân vãng lai thặng dư vượt quá tiêu chí của Hoa Kỳ quy định là 2% GDP. Thặng dư cán cân vãng lai của Việt Nam phần lớn do nhận tiền kiều hối từ nước ngoài về và nếu loại trừ kiều hối chuyển về hàng năm, cán cân vãng lai của Việt Nam còn thâm hụt hoặc thặng dư không lớn.

3. Những tác động và giải pháp cho Việt Nam

Từ những phân tích ở trên có thể cho thấy, nhận định của Bộ Tài chính Hoa Kỳ về hành vi thao túng tiền tệ của Việt Nam không có cơ sở thực sự từ góc độ chính sách tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, việc Hoa Kỳ đưa Việt Nam vào danh sách thao túng tiền tệ sẽ có tác động nhất định tới chính sách tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian tới. Ngân hàng Nhà nước sẽ điều hành tỷ giá linh hoạt hơn và cẩn trọng hơn trong việc mua ròng ngoại tệ liên tục với số lượng lớn. Ngân hàng Nhà nước cũng có thể xem xét điều chỉnh cơ cấu dự trữ quốc tế như ổn định hoặc giảm dự trữ bằng đồng USD và cần tăng dự trữ bằng các ngoại tệ khác như: đồng Euro, Nhân dân tệ, Yên Nhật, SDR, vàng hoặc đồng tiền của các đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam... nhằm tránh bị coi là can thiệp thị trường tiền tệ quá ngưỡng với đồng USD. Cơ cấu dự trữ quốc tế này có thể điều chỉnh linh hoạt khi cần thiết để đáp ứng yêu cầu dự trữ, ổn định tiền tệ, bảo đảm cân bằng kinh tế vĩ mô.

Như vậy, bản chất của vấn đề khi Hoa Kỳ đưa ra cáo buộc về thao túng tiền tệ đối với Việt Nam là do Việt Nam được hưởng lợi lớn từ quan hệ thương mại song phương với Hoa Kỳ. Giải pháp của chúng ta là làm thế nào để mối quan hệ này trở thành hai bên cùng có lợi. Một số biện pháp có thể hướng đến là:

Trước hết, Việt Nam cần chủ động cung cấp thông tin giải trình, khách quan, chi tiết và minh bạch để Hoa Kỳ hiểu đầy đủ và đúng đắn hơn về chính sách tỷ giá và thực tế kinh tế của Việt Nam. Việt Nam cũng cần có cơ chế cảnh báo thường xuyên và chủ động về các cáo buộc tiền tệ để tránh tình trạng thụ động trước tình huống bất ngờ. Chính phủ cần xây dựng bộ phận theo dõi và cảnh báo sớm trước các cáo buộc về thao túng tiền tệ với đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý chuyên ngành cùng với sự phối hợp quốc tế.

Trong ngắn hạn, Việt Nam có thể tìm cách nhập khẩu thêm hàng hóa của Hoa Kỳ cũng như giảm thuế đối với hàng hóa nhập khẩu có thể mạnh của Hoa Kỳ để phần nào giúp cân bằng hơn cán cân thương mại giữa hai nước. Các thế mạnh xuất khẩu của Hoa Kỳ có thể kể đến như máy móc, thiết bị điện tử, hàng không, sợi cotton, nhựa, thiết bị y tế, đậu tương, dịch vụ tài chính, thịt gia cầm. Trong số các mặt hàng này, Việt Nam hiện nay nhập khẩu nhiều từ Hoa Kỳ máy móc điện tử, máy bay và phụ tùng, nhựa, các sản phẩm nông nghiệp như sợi cotton, đậu tương, các sản phẩm từ sữa. Việt Nam hoàn toàn có thể tăng giá trị nhập khẩu các mặt hàng hiện tại, và mở rộng các lĩnh vực mà Hoa Kỳ muốn đẩy mạnh xuất khẩu như năng lượng, dịch vụ tài chính bảo hiểm.

Trong trung và dài hạn, Việt Nam và Hoa Kỳ có thể tìm kiếm một thỏa thuận thương mại song phương hoặc đa phương mà hai nước là thành viên để tạo nền tảng cho hoạt động thương mại bình đẳng và bền vững. Việt Nam cũng nên khuyến khích các doanh nghiệp chủ động nghiên cứu sản xuất và xuất khẩu đi Hoa Kỳ bằng chính công nghệ và nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Hoa Kỳ, gắn với xây dựng chuỗi cung ứng khép kín tạo ra hiệu quả chắc chắn cho cộng đồng doanh nghiệp hai nước.

Tài liệu tham khảo

Ngân hàng Nhà nước (2015), *Quyết định số 2589/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng Đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, ban hành ngày 17/12/2015.

U.S. Department of the Treasury (2021), *Macroeconomic and Foreign Exchange Policies of Major Trading Partners of the United States*, retrieved on January 29th 2021, from <<https://home.treasury.gov/policy-issues/international/macroeconomic-and-foreign-exchange-policies-of-major-trading-partners-of-the-united-states>>.